No. 1667

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

(*Quyển Thượng*)

Bồ-tát Mã Minh tạo luận
Tam tạng Thật-xoa-nan-đà dịch,
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Kính lễ 10 phương Phật
Khắp làm lợi ích lớn,
Trí vô ngại tự tại,
Đấng cứu hộ thế gian.
Và biển thể tướng kia,
Lý pháp nghĩa vô ngã.
Thánh tăng đức vô biên,
Bậc cần cầu chính giác.
Vì muốn khiến chúng sinh
Trừ nghi bỏ tà chấp,
Khởi tin nối giống Phật,
Nên con làm luận này.

Luận:

Vì muốn phát khởi lòng tin thanh tịnh vào Đại thừa, dứt các nghi ám tà chấp của chúng sinh, làm cho dòng giống Phật liên tục không dứt nên tạo luận này.

Có pháp có thể phát sinh tín căn Đại thừa cho nên phải thuyết minh pháp đó.

Thuyết minh được chia làm 5 phần:

1. Tác nhân.
2. Lập nghĩa.
3. Giải thích.

4. Tu tín.

5. Lợi ích.

Trong đây phần tác nhân có 8:

1. Tướng chung là làm cho chúng sinh lìa khổ được vui, chứ không vì tham cầu lợi dưỡng.

2. Làm rõ thật nghĩa căn bản của Như Lai khiến các chúng sinh hiểu đúng.

3. Làm cho chúng sinh thiện căn thành thục không thoái tín tâm đủ sức đảm nhiệm pháp Đại thừa.

4. Làm cho chúng sinh có ít thiện căn phát khởi tín tâm không thoái lui.

5. Làm cho chúng sinh tiêu trừ nghiệp chướng, điều phục tâm mình thoát khỏi 3 độc.

6. Làm cho chúng sinh tu tập đúng pháp chỉ quán, đối trị lỗi lầm của tâm phàm phu Tiểu thừa.

7. Làm cho chúng sinh tư duy như lý của pháp Đại thừa, được sinh trước mặt Phật, quyết không thoái lui lòng tin Đại thừa.

8. Làm rõ lợi ích của sự tin ưa Đại thừa, khuyên loài hàm thức quy hướng.

Nghĩa các câu trên đây tuy trong các kinh Đại thừa đều có đủ, nhưng do căn cơ giáo hóa và ý muốn không đồng, nhân duyên để hiểu có khác, vì vậy mà tạo luận.

Thế là thế nào?

Nghĩa là khi Như Lai tại thế chúng sinh được giáo hóa thì căn cơ linh lợi, Phật thì sắc tâm thù thắng, một lời Phật nói ra có vô biên ý nghĩa nên không phải luận.

Sau khi Phật Niết-bàn có người có thể dùng tự lực xem kinh ít mà hiểu nghĩa nhiều, có người phải đem sức mình xem rộng các kinh mới hiểu, có người không có trí lực nhờ người khác luận rộng ra mới hiểu được, cũng có người tự mình không có trí lực sợ nói rộng nghe nhiều, chỉ muốn luận tóm lược mà bao gồm nghĩa rộng lớn để chính mình tu hành. Tôi nay vì hạng người sau cùng, sơ lược tóm thâu vô biên nghĩa rất sâu thù thắng nhất của Như Lai mà tạo luận này.

Thế nào là phần lập nghĩa?

Là Đại thừa sơ lược có 2 thứ: Hữu pháp và pháp.

Nói hữu pháp, là tâm của tất cả chúng sinh. Tâm này tóm thâu tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Do tâm đây mà hiển thị nghĩa của Đại thừa. Bởi vì tướng chân như của tâm này là chỉ cho cái thể của Đại thừa. Cho nên tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này có thể hiển thị thể tướng dụng của Đại thừa.

Nói pháp thì sơ lược có 3 thứ:

1. Thể đại, nghĩa là chân như của tất cả pháp dù ở trong nhiễm hay ở trong tịnh, tính vẫn thường bình đẳng, không thêm bớt sai khác.

2. Tướng đại, nghĩa là Như Lai tạng vốn đầy đủ vô lượng vô biên tính công đức.

3. Dụng đại, nghĩa là có thể sinh tất cả nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian. Cho nên tất cả chư Phật vốn vận dụng pháp này, tất cả Bồ-tát đều do pháp này mà vào địa vị Phật.

Thế nào là phân giải thích?

Đây có 3 thứ: hiển thị thật nghĩa, đối trị tà chấp, và phân biệt tướng tu hành chính đạo.

Trong đây, hiển thị thật nghĩa, tức là do nơi một tâm mà có 2 môn. Đó là tâm chân như môn và tâm sinh diệt môn.

Hai môn này mỗi môn đều bao gồm tất cả pháp, vì 2 môn này không tách rời nhau.

Tâm chân như, tức là thể của pháp môn đại tổng tướng của tất cả pháp giới. Vì bản tính của tâm không sinh không diệt. Tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai khác. Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng cảnh giới sai khác. Cho nên các pháp xưa nay tính lìa ngôn ngữ, văn tự không thể nói rõ, lìa tâm phan duyên không có các tướng, rốt ráo bình đẳng hằng không biến đổi không thể phá hoại, chỉ là một tâm gọi là chân như.

Bởi chân như nên từ bản lai không thể nói, không thể phân biệt. Tất cả lời nói chỉ là giả chẳng phải thật, chỉ theo vọng niệm mà không thực có.

Nói chân như cũng không có tướng. Chỉ là trong cùng cực của tất cả ngôn thuyết là dùng lời nói bác bỏ lời nói, chẳng phải thể tính chân như có chút gì có thể bác bỏ hay có chút gì để thành lập.

Hỏi: Nếu vậy chúng sinh làm sao tùy thuận ngộ nhập?

Đáp: Nếu biết tuy nói tất cả pháp mà không có người nói ra, không có pháp được nói. Tuy nghĩ tất cả pháp mà không có ai nghĩ không có pháp được nghĩ tới. Bấy giờ sự đuổi theo vọng niệm đều hết gọi là ngộ nhập.

Lại nữa, chân như là dựa vào ngôn thuyết thiết lập thì có 2 nghĩa:

1. Chân thật không, là rốt ráo xa lìa tướng không thật, làm rõ thật thể.

2. Chân thật bất không, là có tự thể, bản tính đầy đủ vô biên công đức.

Lại nữa, chân thật không là từ bản lai không tương ưng với tất cả nhiễm pháp, lìa tướng sai biệt của tất cả pháp cho nên không có tâm hư vọng phân biệt. Phải biết chân như chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng phải tướng có không, chẳng phải tướng chẳng có không, chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải tướng một khác, chẳng phải tướng chẳng phải một khác.

Nói tóm lược là vì cái vọng tâm phân biệt của tất cả chúng sinh, không thể chạm xúc được nên lập ra là không. Căn cứ theo thật đạo lý thì vọng niệm chẳng phải có, không tính cũng không bởi cái bị ngăn chận là không mà cái khả năng ngăn chận cũng không.

Nói chân thật bất không, là do không có vọng niệm tức hiển thị cái chân tâm thường hằng không biến đổi, viên mãn pháp thanh tịnh nên gọi bất không. Cái bất không cũng không có tướng bất không bởi không phải do tâm vọng niệm tạo ra mà chỉ trí lìa niệm chứng được mà thôi.

Tâm sinh diệt môn, nghĩa là dựa vào Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt chuyển. Cái không sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, 2 cái đó chẳng phải một chẳng phải khác, gọi đó là thức A-lại-da. Thức này có 2 nghĩa là khả năng thâu

giữ tất cả pháp và khả năng phát sinh tất cả pháp.

Lại có 2 nghĩa, là nghĩa của giác và nghĩa của bất giác.

Nói nghĩa của giác là Đệ nhất nghĩa của tâm. Tính của nó lìa tất cả tướng vọng niệm. Vì lìa tất cả tướng vọng niệm nên sánh bằng cõi hư không, không đâu không cùng khắp.

Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai. Căn cứ pháp thân này mà nói tất cả Như Lai là bản giác.

Bởi đối đãi với thủy giác mà lập ra bản giác. Nhưng thủy giác tức là bản giác chứ không phải lập lên bởi một giác nào khác.

Thủy giác là do bản giác mà có bất giác. Do bất giác nên nói có thủy giác.

Lại nữa giác ngộ nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác. Không giác ngộ nguồn tâm nên gọi là phi cứu cánh giác. Như người phàm phu, niệm trước bất giác khởi phiền não, niệm sau chế ngự không cho sinh. Đây tuy gọi là giác mà tức là bất giác.

Như người phàm phu và Bồ-tát sơ nghiệp biết cái thể của hữu niệm vô niệm có khác nhau để xả bỏ thô phân biệt cho nên gọi là tương tự giác.

Như pháp thân Bồ-tát biết niệm hay vô niệm đều không có tướng, xả bỏ trung phẩm phân biệt nên gọi là tùy phần giác.

Nếu vượt quá Bồ-tát địa, đầy đủ cứu cánh đạo, nhất niệm tương ưng giác tâm sơ khởi mới gọi là giác, xa lìa tướng giác vĩnh viễn hết rốt ráo các vi tế phân biệt, tâm căn bản tính thường

trụ hiện tiền, đó là Như Lai, gọi là cứu cánh giác.

Cho nên kinh nói: Nếu có chúng sinh quán được tất cả vọng niệm là vô tướng, tức chứng được trí tuệ của Như Lai.

Lại nữa, nói tâm sơ khởi là chỉ tùy theo thế tục mà nói, chứ cầu cái sơ tướng là hoàn toàn không thể được. Tâm còn không có làm gì có sơ.

Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là giác, bởi lẽ từ vô thủy đến nay hằng có vô minh vọng niệm liên tục chưa từng rời bỏ. Nếu dứt vọng niệm tức biết tâm tướng sinh trụ dị diệt đều không có tướng. Bởi trong một tâm, trước, sau, đồng thời, đều không tương ưng vì không tự tính. Biết như vậy rồi thì biết thủy giác là không thể có được vì nó không khác bản giác.

Lại nữa bản giác theo nhiễm sinh ra 2 tướng khác nhau: tướng trí thanh tịnh và tướng dụng không thể nghĩ bàn.

Tướng trí thanh tịnh, nghĩa là theo sự huân tập của chính pháp, như thật tu hành công hạnh viên mãn, phá vỡ sự hòa hợp của thức, diệt tướng chuyển thức, hiển hiện trí thanh tịnh của pháp thân.

Tất cả tướng của tâm thức là tướng vô minh. Tướng vô minh đó với bản giác chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có thể hoại, cũng chẳng phải không thể hoại.

Như nước biển và sóng chẳng phải một chẳng phải khác. Sóng là do gió động, chẳng phải tính nước động. Nếu gió ngừng thì sóng hết động chứ chẳng phải tính nước diệt mất.

Chúng sinh cũng vậy. Tự tính thanh tịnh tâm do gió vô minh động làm nổi lên sóng thức. Như vậy 3 thứ đều không hình tướng, chẳng phải một chẳng phải khác.

Nhưng tính tịnh tâm là căn bản của thức động. Khi vô minh diệt động thức cũng diệt theo nhưng trí tính không hoại.

Tướng dụng không thể nghĩ bàn, nghĩa là do trí thanh tịnh có thể sinh khởi tất cả cảnh giới thắng diệu thường không tuyệt dứt.

Nghĩa là thân Như Lai đầy đủ công đức vô lượng thắng thượng, tùy theo căn cơ chúng sinh mà thị hiện thành tựu vô lượng lợi ích.

Lại nữa tướng của bản giác có 4 nghĩa lớn như hư không, giống như một gương sáng:

1. Nghĩa lớn của chân thật không, như gương sáng hư không. Nghĩa là tất cả tướng cảnh giới của tâm và tướng giác đều không thể có được.

2. Nghĩa lớn của chân thật bất không, như gương sáng hư không. Nghĩa là tính của tất cả pháp viên mãn thành tựu, không thể hoại. Tướng cảnh giới của tất cả thế gian đều hiện trong đó, thường trụ một tâm không ra không vào không mất không hoại, tất cả pháp nhiễm không thể nhiễm, thể của trí đầy đủ, vô biên vô lậu công đức làm nhân huân tập tất cả tâm chúng sinh.

3. Nghĩa lớn của chân thật bất không lìa tướng, như gương sáng hư không. Nghĩa là 2 chướng phiền não và sở tri vĩnh viễn dứt, hòa hợp thức diệt, bản tính thanh tịnh thường an trụ.

4. Nghĩa lớn của chân thật bất không thị hiện như gương sáng hư không. Nghĩa là dựa vào pháp lìa chướng mà theo đó ứng hóa, hiện các thứ sắc thanh của Như Lai khiến chúng sinh tu hành các thiện căn.

Nghĩa của bất giác, nghĩa là từ vô thủy đến nay không biết như thật rằng pháp chân thật là một, nên tâm bất giác khởi thành ra có vọng niệm. Nhưng vọng niệm đó tự nó không có thật tướng và không rời bản giác.

Giống như người theo phương hướng mà mê lầm. Mê cái không có tự tướng mà không rời phương hướng. Chúng sinh cũng vậy, do nơi giác mà có bất giác vọng niệm mê sinh. Nhưng cái bất giác kia tự không có thật tướng, không tách rời bản giác, lại do đối đãi với bất giác mà nói chân giác. Bất giác đã không có thì chân giác cũng loại trừ.

Lại nữa, do nơi giác mà có bất giác sinh ra 3 tướng không tách rời nhau:

1. Tướng của nghiệp vô minh. Bởi do bất giác tâm động thành nghiệp. Giác thì không động, động tức có khổ vì quả không tách rời nhân.

2. Tướng năng kiến. Nghĩa là do tâm động nên thấy có cảnh giới, không động thì không thấy.

3. Tướng của cảnh giới. Nghĩa là do năng kiến mà tướng vọng kiến hiện ra, lìa năng kiến thì không có cảnh.

Do duyên cảnh giới hư vọng nên lại sinh ra 6 tướng:

1. Tướng trí. Nghĩa là duyên cảnh giới sinh tâm yêu thích không yêu thích.

2. Tướng liên tục. Nghĩa là do tướng trí mà có cảm giác khổ vui, ý niệm về tướng khổ vui tương ưng không dứt.

3. Tướng chấp trước. Nghĩa là do ý niệm về cảm giác khổ vui liên tục mà sinh chấp trước.

4. Tướng chấp các tên gọi. Nghĩa là do chấp trước phân biệt tên gọi v.v… mà lập nên các tướng.

5. Tướng khởi nghiệp. Nghĩa là do chấp tên gọi v.v… mà khởi các nghiệp khác nhau.

6. Tướng nghiệp buộc khổ. Nghĩa là do nghiệp chịu khổ không được tự tại.

Cho nên phải biết tất cả pháp nhiễm đều không có tướng, đều do vô minh sinh khởi.

Lại nữa giác với bất giác có 2 tướng là đồng nhau và khác nhau.

Tướng đồng nhau là như các loại đồ gốm đều đồng tướng đất. Cũng vậy các huyễn dụng của vô lậu vô minh đều đồng là tướng của chân như. Cho nên Phật nói tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay thường nhập Niết-bàn Bồ-đề, không phải là tướng tu được, không phải tướng có thể sinh ra, hoàn toàn không có gì được cả.

Không có sắc tướng có thể thấy. Phải biết thấy sắc tướng đều là theo huyễn dụng của nhiễm mà ra, không phải tướng bất không của trí sắc, bởi trí tướng là không thể có được.

Nói tướng khác nhau là như nhiều thứ đồ gốm khác nhau. Đây cũng vậy tướng huyễn dụng của vô lậu và vô minh đều khác nhau.

Lại nữa, nhân duyên của sinh diệt nghĩa là chúng sinh do tâm, ý thức chuyển.

Nghĩa này là thế nào?

Nghĩa là do thức A-lại-da mà nói vô minh bất giác khởi lên có thể thấy, có thể hiện, có thể thủ lấy cảnh giới phân biệt liên tục nên gọi là ý.

Ý đó lại có 5 tên khác nhau:

1. Nghiệp thức. Nghĩa là sức của vô minh làm cho bất giác tâm động.

2. Chuyển thức. Nghĩa là do động tâm mà thấy có cảnh tướng.

3. Hiện thức. Nghĩa là hiện tướng tất cả các cảnh giới. Giống như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng vậy. Như 5 đối cảnh đến thì liền hiện, không có trước sau, không do công sức.

4. Trí thức. Nghĩa là phân biệt các pháp nhiễm tịnh sai biệt.

5. Tương tục thức. Nghĩa là thường xuyên tác ý tương ưng không dứt, duy trì một cách tự nhiên không làm hỏng mất các nghiệp thiện ác quá khứ, làm chin muồi quả báo khổ vui trong hiện tại vị lai không cho sai sót, làm bổng nhiên nhớ lại những gì đã qua hoặc vọng sinh phân biệt những gì chưa xảy đến. Cho nên trong 3 cõi tất cả đều lấy tâm làm tự tính, lìa tâm không có cảnh giới 6 trần.

Bởi vì sao?

Vì tất cả các pháp do tâm làm chủ từ vọng niệm khởi. Tất cả mọi phân biệt đều phân biệt nơi tự tâm. Nhưng tâm không thấy tâm, không có tướng để thấy. Cho nên phải biết tất cả tướng của cảnh giới thế gian đều do vô minh

vọng niệm của chúng sinh mà được thành lập. Như hình ảnh trong gương không có tự thể, chỉ do tâm phân biệt hư vọng chuyển. Vì tâm sinh thì các thứ pháp sinh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt.

Nói ý thức, nghĩa là tất cả phàm phu do tương tục thức chấp ngã ngã sở mà vọng thủ 6 thứ cảnh giới. Cũng gọi là phân ly thức, cũng gọi là phân biệt sự thức, vì do kiến ái v.v… huân tập mà tăng trưởng.

Vô thủy vô minh huân tập mà sinh khởi thức, điều đó không phải trí tuệ phàm phu hay Nhị thừa có thể biết được. Giải hành địa Bồ-tát mới học quan sát, pháp thân Bồ-tát thì có thể biết được một phần ít, cho đến cứu cánh địa còn chưa biết hết được, chỉ có Như Lai mới có thể rõ thấu.

Nghĩa này là thế nào?

Vì tâm tính bản lai thanh tịnh, vì sức của vô minh nên tướng của nhiễm tâm hiện ra. Tuy có nhiễm tâm mà thường sáng sạch không biến đổi.

Lại nữa, vì bản tính là vô phân biệt cho nên tuy sinh khởi khắp tất cả cảnh giới mà không biến đổi. Do không biết lý một pháp giới nên không tương ưng, vô minh phân biệt khởi nên sinh các nhiễm tâm. Nghĩa đó rất sâu khó lường chỉ có Phật, ngoài ra không ai biết được.

Nhiễm tâm này có 6 thứ:

1. Chấp tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này Thanh Văn, Duyên Giác và các Bồ-tát bậc tín tương ưng có thể xa lìa.

2. Bất đoạn tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này sức tu tập siêng năng của tín địa Bồ-tát có thể lìa bỏ một phần ít, đến tịnh tâm địa mới hết vĩnh viễn và không sót.

3. Phân biệt trí tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này từ cụ giới địa cho đến cụ tuệ địa có thể lìa bỏ một phần ít, đến vô tướng hành địa mới hết vĩnh viễn.

4. Hiện sắc bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này thì sắc tự tại địa lìa bỏ được.

5. Kiến tâm bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này thì tự tại địa trừ diệt được.

6. Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này từ Bồ-tát cứu cánh địa nhập vào Như Lai địa trừ diệt được.

Về nghĩa không rõ lý một pháp giới thì bắt đầu từ tín địa quán sát khởi hành, đến tịnh tâm địa có thể lìa bỏ một phần ít, nhập Như Lai địa mới hết vĩnh viễn.

Nghĩa của tương ưng, nghĩa là tâm phân biệt khác nhau, nhiễm tịnh phân biệt khác nhau, nhưng tướng biết và tướng duyên như nhau.

Nghĩa của bất tương ưng, nghĩa là tức tâm bất giác thường không riêng khác, mà tướng biết tướng duyên không giống nhau.

Nhiễm tâm, là phiền não chướng có thể chướng ngại chân như căn bản trí.

Vô minh, là sở tri chướng, có thể chướng ngại thế gian nghiệp tự tại trí.

Nghĩa này là thế nào?

Là vì nhiễm tâm chấp trước vô lượng cảnh giới hư vọng của năng thủ sở thủ trái với tính bình đẳng của tất cả pháp. Tính của tất cả pháp

là bình đẳng, tịch diệt không có tướng sinh, do vô minh bất giác mà có vọng trái với giác. Cho nên đối với nghiệp dụng sai biệt các thứ cảnh giới của tất cả thế gian đều không biết được như thật.

Lại nữa tướng sinh diệt của tâm phân biệt có 2 thứ:

1. Thô, tức tâm tương ưng.

2. Tế, tức tâm bất tương ưng.

Thô trong thô là cảnh trí của phàm phu.

Tế trong thô và thô trong tế là cảnh trí của Bồ-tát.

Hai tướng này đều do sức huân tập của vô minh dựa vào nhân và dựa vào duyên khởi lên. Nhân là bất giác, duyên là vọng cảnh. Nhân diệt thì duyên diệt. Duyên diệt nên tâm tương ưng diệt. Nhân diệt nên tâm bất tương ưng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì làm sao tiếp tục? Còn nếu tiếp tục thì làm sao nói diệt?

Đáp: Đúng vậy. Nay nói diệt là chỉ tướng của tâm diệt không phải thể của tâm diệt. Như nước do gió có tướng động, vì gió diệt nên tướng động liền diệt chứ không phải thể của nước diệt. Nếu nước diệt thì tướng động phải mất, vì không còn nương tựa và không có chỗ dựa. Bởi thể của nước không diệt nên tướng động tiếp tục. Chúng sinh cũng vậy, do sức của vô minh làm cho tâm động. Vô minh diệt diệt thì tướng động liền diệt, chẳng phải thể của tâm diệt. Nếu tâm diệt thì chúng sinh dứt mất vì không nương tựa cũng không có chỗ nương tựa. Bởi thể của tâm không diệt nên tâm động tiếp tục.

Lại nữa, do nghĩa của 4 pháp huân tập nên pháp nhiễm tịnh khởi không dứt.

1. Pháp tịnh, tức chân như.

2. Nhân của nhiễm, tức vô minh.

3. Vọng tâm, tức nghiệp thức.

4. Vọng cảnh, tức 6 trần.

Nghĩa của huân tập, là như áo mặc của thế gian vốn không có mùi, tùy theo xông ướp mà có mùi. Tính của pháp tịnh chân như vốn không có nhiễm, do vô minh huân tập nên có nhiễm. Pháp nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp tịnh, do chân như huân tập nên nói có cái dụng thanh tịnh.

Vì sao pháp nhiễm huân tập không dứt?

Là vì do chân như nên khởi vô minh làm nhân các nhiễm, rồi cái vô minh này liền huân tập lại chân như. Đã huân tập rồi thì sinh tâm vọng niệm. Tâm vọng niệm này trở lại huân tập vô minh. Do huân tập nên không rõ pháp chân như, do bất giác nên hiện cảnh giới vọng. Do sức huân tập của tâm vọng niệm nên sinh các thứ chấp trước khác nhau tạo các nghiệp khác nhau thân tâm thụ các khổ báo.

Vọng cảnh huân tập có 2 nghĩa:

1. Huân tập tăng trưởng phân biệt.

2. Huân tập tăng trưởng chấp thủ.

Vọng tâm huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập làm tăng trưởng nghiệp thức căn bản khiến A-la-hán, Bích-chi-phật và tất cả Bồ-tát chịu khổ sinh diệt.

2. Huân tập làm tăng trưởng sự thức phân biệt khiến các phàm phu thụ nghiệp buộc khổ.

Vô minh huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập căn bản làm thành tựu nghĩa của nghiệp thức.

2. Huân tập kiến ái làm thành tựu nghĩa của sự thức phân biệt.

Thế nào là không ngớt huân tập pháp tịnh?

Nghĩa là do chân như huân tập nơi vô minh, do sức nhân duyên huân tập nên khiên tâm vọng niệm chán khổ sinh tử cầu vui Niết-bàn. Do nhân duyên cái vọng tâm chán khổ cầu vui này trở lại huân tập chân như, do huân tập nên tự tin thân mình có pháp chân như bản tính thanh tịnh, biết tất cả cảnh giới là duy tâm thì rốt ráo không còn vọng động. Bởi biết như thật như vậy nên tu pháp xa lìa, khởi nhiều thứ hạnh tùy thuận, không phân biệt không chấp thủ, trải vô lượng kiếp A-tăng-kì do sức tập quen mà vô minh diệt. Vô minh diệt nên tâm không khởi tướng. Tâm không khởi nên tướng cảnh giới diệt. Như vậy tất cả nhân nhiễm, duyên nhiễm cho đến quả nhiễm, tướng của tâm đều diệt gọi là được Niết-bàn thành tựu các thứ nghiệp dụng tự tại.

Vọng tâm huân tập có 2 nghĩa:

1. Huân tập của phân biệt sự thức.khiến tất cả phàm phu Nhị thừa chán khổ sinh tử, tùy năng lực tiến tu đạo vô thượng.

2. Huân tập của ý khiến các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh mau chóng ngộ nhập vô trụ Niết-bàn.

Chân như huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập của thể.

2. Huân tập của dụng.

Huân tập của thể, nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng vô lậu. Huân tập của dụng, nghĩa là đầy đủ cái cảnh giới thù thắng khó nghĩ bàn. Hai tính chất này thường xuyên huân tập tâm chúng sinh khiến các chúng sinh chán khổ sinh tử cầu vui Niết-bàn, tự tin bản thân mình có pháp chân thật mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu tất cả chúng sinh đồng có chân như và đều được huân tập thì sao có kẻ tin người không tin? Từ mới phát tâm cho đến Niết-bàn có vô lượng sai biệt trước sau không đồng nhau, lẽ ra tất cả đều phải đồng thời bình đẳng nhập Niết-bàn chứ?

Đáp: Tuy tất cả chúng sinh đều bình đẳng có chân như, nhưng từ vô thủy đến nay có vô lượng vô biên vô minh dày mỏng khác nhau còn nhiều hơn số cát sông Hằng. Các phiền não ngã kiến ngã ái trói buộc cũng như vậy, chỉ có trí của Như Lai mới biết được, cho nên khiến tin có sai khác trước sau là như vậy.

Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân có duyên. Đủ nhân duyên mới thành sự. Như tính lửa trong cây. Cái nhân chính là lửa đó nếu không ai biết, hoặc biết mà không thi công mà muốn cho có lửa ra thiêu đốt cây cối là không có chuyện đó. Chúng sinh cũng vậy, tuy có cái thể chân như là sức chính nhân huân tập, nhưng không có duyên gặp Phật, Bồ-tát, thiện tri thức, hoặc không tu thắng hạnh, không sinh trí tuệ không đoạn phiền não mà được Niết-bàn là không có chuyện đó.

Lại nữa, tuy có duyên thiện tri thức nhưng giả như bên trong không có sức huân tập của chân như thì cũng không thể chán khổ sinh tử cầu vui Niết-bàn. Phải đủ nhân duyên mới được như vậy.

Sao gọi là đầy đủ?

Nghĩa là tự trong sự liên tục có sức huân tập như được chư Phật Bồ-tát từ bi hộ trì mới có thể chán khổ sinh tử tin có Niết-bàn, trồng các căn lành tu tập thành thục, lại được gặp chư Phật Bồ-tát chỉ dạy đường tu lợi lạc, khiến tu thắng hạnh cho đến thành Phật nhập Niết-bàn.

Huân tập của dụng, tức là cái sức ngoại duyên của chúng sinh có vô lượng nghĩa. Nói sơ lược có 2 thứ:

1. Duyên sai biệt.

2. Duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, nghĩa là các chúng sinh từ mới phát tâm cho đến thành Phật nhờ Phật Bồ-tát thiện tri thức tùy chỗ thích hợp hóa độ mà hiện thân, hoặc làm cha mẹ hoặc làm vợ con, hoặc làm quyến thuộc, hoặc làm người giúp việc, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm oan gia, hoặc lại thị hiện hình tượng Thiên vương, hoặc dùng Tứ nhiếp, hoặc dùng Lục độ cho đến tất cả Bồ-đề hành duyên, dùng tâm Đại bi nhu nhuyến, phúc trí tạng rộng lớn huân tập làm cho tất cả chúng sinh được hóa độ khiến chúng thấy nghe nghĩ nhớ hình tượng Như Lai v.v… mà thêm lớn căn lành.

Duyên này có 2:

1. Duyên gần thì mau chứng Bồ-đề.

2. Duyên xa thì lâu xa mới chứng.

Hai duyên này lại có 2 thứ khác nhau:

1. Duyên tăng trưởng các hành.

2. Duyên nhập đạo.

Duyên bình đẳng, nghĩa là tất cả chư Phật Bồ-tát đem trí tuệ bình đẳng, chí nguyện bình đẳng muốn cứu giúp tất cả chúng sinh liên tục tự nhiên không tuyệt dứt. Do trí tuệ và nguyện lực này huân tập chúng sinh khiến chúng nghĩ nhớ chư Phật Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe mà làm việc lợi ích, nhập tịnh Tam-muội tùy chỗ đoạn chướng được con mắt vô ngại, trong mỗi niệm mỗi niệm bình đẳng hiện thấy vô lượng chư Phật và Bồ-tát trong tất cả thế giới.

Sự huân tập của thể và huân tập của dụng này lại có 2 thứ:

1. Chưa tương ưng.

2. Đã tương ưng.

Chưa tương ưng, nghĩa là phàm phu Nhị thừa và Bồ-tát sơ phát tâm dùng ý, ý thức mà huân tập, chỉ dựa vào sức tin mà tu hành, chưa thể tu hành bằng tâm vô phân biệt, vì chưa tương ưng được với thể của chân như, chưa tu hành được tự tại nghiệp vì chưa tương ưng được với dụng của chân như.

Đã tương ưng, nghĩa là pháp thân Bồ-tát được tâm vô phân biệt, tương ưng với tự thể của tất cả Như Lai, được tự tại nghiệp vì tương ưng với trí dụng của tất cả Như Lai, chỉ theo pháp lực tu hành tự nhiên vì huân tập chân như diệt vô minh.

Lại nữa, huân tập nhiễm thì từ vô thủy đến nay không đoạn, thành Phật mới đoạn. huân tập tịnh thì cho đến tột vị lai hoàn toàn không đoạn

vì pháp chân như huân tập cho nên vọng tâm thì diệt pháp thân thì hiển hiện, dụng huân tập khởi nên không có đoạn.

Lại nữa tướng của tự thể chân như thì ở nơi tất cả phàm phu Thanh Văn Duyên Giác Bồ-tát chư Phật không có thêm bớt, rốt ráo thường còn chẳng phải thời trước sinh thời sau diệt, từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả công đức. Có nghĩa trí tuệ lớn sáng suốt, có nghĩa soi khắp pháp giới, có nghĩa hiểu biết như thật, có nghĩa bản tính tâm thanh tịnh, có nghĩa thường lạc ngã tịnh, có nghĩa tự tại vắng lặng không biến đổi. Có như vậy Phật pháp không thể nghĩ bàn không tuyệt dứt còn hơn sô cát sông Hằng chẳng phải đồng chẳng phải khác. Do nghĩa này gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân.

Hỏi: Trên nói chân như lìa tất cả tướng, sao nay nói đầy đủ tất cả các công đức?

Đáp: Tuy thật có đủ tất cả công đức nhưng tướng không khác nhau. Tất cả các pháp ấy đều đồng một mùi vị, một chân như, không có 2 tính, lìa tướng phân biệt. Do tướng sinh diệt của nghiệp thức mà lập tất cả tướng khác nhau đó.

Lập như thế nào?

Nghĩa là do tất cả pháp bản lai duy tâm, thật không có phân biệt, vì bất giác nên tâm phân biệt khởi lên thấy có cảnh giới, gọi là vô minh. Tâm tính bản tịnh, vô minh không khởi, tức nơi chân như lập nghĩa trí tuệ lớn sáng suốt.

Nếu tâm tính thấy cảnh, tức là có tướng không thấy. Tâm tính không thấy, tức không gì không thấy. Đó là nơi chân như lập nghĩa soi khắp pháp giới.

Nếu tâm có động, tức chẳng phải hiểu biết chân thật, chẳng phải bản tính thanh tịnh, chẳng phải thường lạc ngã tịnh, chẳng phải vắng lặng. Đó là biến đổi không tự tại. Từ đó khởi đủ các tạp nhiễm hư vọng còn hơn số cát sông Hằng.

Do tâm tính không động nên lập nghĩa hiểu biết chân thật. Cho đến nghĩa của tướng công đức thanh tịnh còn hơn số cát sông Hằng.

Nếu tâm có khởi động, thấy có cảnh hữu dư có thể phân biệt tìm cầu thì trong nội pháp có chỗ không đủ. Bởi vô biên công đức tức là tự tính một tâm, không thấy có pháp hữu dư đáng tìm cầu cho nên đầy đủ không tuyệt dứt pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, còn hơn cát sông Hằng chẳng khác cũng chẳng phải một. Cho nên nói chân như là Như Lại tạng, cũng gọi là pháp thân Như Lai.

Lại nữa, cái dụng của chân như, nghĩa là tất cả chư Phật trong thời kỳ tu nhân, phát Đại từ bi tu hành các hạnh Lục độ, Tứ nhiếp, quán vật đồng với mình đều khắp cứu thoát, cho đến tận cùng đời vị lai không kể số kiếp, hiểu rõ như thật, tự tha bình đẳng, mà cũng không chấp thủ tướng chúng sinh, dùng trí phương tiện lớn như vậy diệt vô thủy vô minh, chứng bản pháp thân, tự do khởi nghiệp không thể nghĩ bàn, khởi các tác dụng tự tại cùng với chân như khắp pháp giới mà không có thấy có tướng dụng.

Bởi vì sao? Vì tất cả Như Lai chỉ là pháp thân Đệ nhất nghĩa đế không có tác dụng của cảnh giới thế đế, chỉ tùy theo sự thấy nghe của chúng sinh mà có các tác dụng bất đồng.

Dụng này có 2:

1. Dựa vào phân biệt sự thức. Nghĩa là cái mà tâm phàm phu Nhị thừa thấy, đó là hóa thân. Họ không biết là do hình ảnh của chuyển thức hiện, thấy cái sắc tướng có giới hạn chấp lấy từ bên ngoài, nhưng hóa thân Phật thì không có hạn lượng.

2. Dựa vào nghiệp thức. Nghĩa là các Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến bậc cứu cánh, cái mà tâm thấy được đó là thụ dụng thân. Thân có vô lượng sắc. Sắc có vô lượng tướng. Tướng có vô lượng hình hảo. Chỗ trụ xứ là dựa nơi quả báo đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Tùy chỗ ứng hiện có vô lượng vô biên không giới hạn không dứt, chẳng phải những gì thấy ở ngoài tâm. Các công đức này đều do các hạn vô lậu Ba-la-mật huân tập và sự huân tập không thể nghĩ bàn mà được thành tựu đầy đủ tướng công đức vô biên hỷ lạc, nên cũng gọi là báo thân.

Lại nữa, cái mà phàm phu thấy đó là thô dụng, tùy theo 6 nẻo chúng sinh thấy có khác nhau, không có tướng vui công đức vô biên, nên gọi là hóa thân.

Cái mà Bồ-tát sơ phát tâm thấy, đó là cái dụng trung phẩm do thâm tín chân như nên thấy được một phần ít, biết thân Như Lai là không đi không đến không tuyệt mất, chỉ là bóng dáng của tâm hiện ra không tách rời chân như. Nhưng bậc Bồ-tát này còn chưa lìa bỏ được vi tế phân biệt vì chưa nhập vào địa vị pháp thân.

Bồ-tát tịnh tâm thì thấy cái dụng vi tế. Như vậy chuyển thắng cho đến Bồ-tát bậc cứu cánh mời thấy trọn vẹn.

Cái dụng vi tế này là thụ dụng thân. Do có nghiệp thức mới thấy thụ dụng thân. Nếu lìa nghiệp thức thì không thấy. Tất cả Như Lai đều là pháp thân, không có sắc tướng sai biệt đây kia thấy nhau.

Hỏi: Nếu pháp thân Phật không có các sắc tướng sai biệt thì sao có thể hiện ra các sắc?

Đáp: Vì pháp thân là thật thể của sắc nên có thể hiện các sắc. Nghĩa là từ bản lai sắc và tâm là không hai. Bởi bản tính của sắc tức tự tính của tâm, gọi là trí thân. Bởi bản tính của tâm tức tự tính của sắc, gọi là pháp thân. Dựa nơi pháp thân này , tất cả Như Lại hiện các sắc thân, biến mãn khắp mọi nơi không gián đoạn. Mười phương Bồ-tát tùy năng lực mình, tùy nguyện lạc của mình thấy vô lượng thụ dụng thân, vô lượng cõi nước trang nghiêm khác nhau, không chướng ngại nhau cũng không tuyệt dứt. Sắc thân hiện ra đó, tâm, ý, thức của tất cả chúng sinh không thể suy lường, vì đó là cái dụng rất sâu tự tại của chân như.

Lại nữa, để làm cho chúng sinh từ tâm sinh diệt môn hội nhập chân như môn nên khiến quán tướng của sắc v.v… không thành tựu.

Thế nào là không thành tựu?

Nghĩa là phân tích sắc thô dần dần cho đến thành bụi nhỏ. Lại dùng phương phân tích vi trần này. Cho nên dù thô dù tế, tất cả các sắc chỉ là ảnh tượng phân biệt của vọng tâm thật sự là không có.

Suy tìm các uẩn cho đến sát-na, tìm tướng của sát-na này, chẳng phải riêng có một pháp vô vi cũng như vậy. Lìa nơi pháp giới là hoàn

toàn không thể được. Cũng vậy, tất cả các pháp trong 10 phương, phải biết đều như vậy. Giống như người mê gọi phương Đông là phương Tây nhưng thật sự phương hướng không chuyển đổi. Chúng sinh cũng vậy, vì mê vô minh nên gọi tâm là động mà kỳ thật không động. Nếu biết cái động tâm tức không còn sinh diệt, liền được nhập vào chân như môn.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN
(*Quyển Thượng hết*)

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN
(*Quyển Hạ*)

Bồ-tát Mã Minh tạo luận
Tam tạng Thật-xoa-nan-đà dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Đối trị tà chấp, nghĩa là tất cả tà chấp không thứ nào không do ngã kiến khởi. Nếu lìa ngã kiến thì không có tà chấp.

Ngã kiến có 2 thứ:

1. Nhân ngã kiến.
2. Pháp ngã kiến.

Nhân ngã kiến, theo phàm phu có 5 thứ:

1. Như kinh nói: Pháp thân Như Lai rốt ráo văng lặng giống như hư không. Phàm phu nghe vậy không rõ nghĩa lý liền chấp tính của Như Lai giống như hư không thường hằng có khắp nơi. Để trừ chấp đó, phải hiểu rõ tướng hư không chỉ là phân biệt, thật không thể có, do hữu kiến hữu đối, đối đãi với sắc rồi đem tâm phân biệt mà gọi là hư không. Sắc đã chỉ là

vọng tâm phân biệt nên phải biết hư không cũng không có tự thể. Tất cả tướng của cảnh chỉ là vọng tâm phân biệt. Nếu lìa vọng tâm tức tướng cảnh giới diệt. Chỉ có tâm chân như không đâu không cùng khắp. Đó là nghĩa của tính Như Lai như hư không, chẳng phải cái rỗng không là thường hằng là có.

2. Như kinh nói: Tất cả pháp thế gian rốt ráo là rỗng không, cho đến các pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo là rỗng không, bản tính như vậy lìa tất cả tướng. Phàm ngu nghe vậy không rõ nghĩa lý, liền chấp cho rằng pháp chân như Niết-bàn chỉ là rỗng không chẳng có gì cả. Để trừ chấp đó phải hiểu rõ pháp thân chân như tự thể chẳng phải rỗng không, mà đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Như kinh nói: Như Lai tạng không có thêm bớt, tự thể đầy đủ tất cả các tính công đức. Phàm ngu nghe rồi không hiểu nghĩa lý đó, liền cho rằng Như Lai tạng có các sắc pháp và tâm pháp có tự tướng khác nhau. Để trừ chấp này phải hiểu rõ chân như vốn không có pháp nhiễm sai biệt, mà có vô biên tướng công đức, chứ không phải tướng nhiễm.

4. Như kinh nói: Tất cả các pháp tạp nhiễm thế gian đều do Như Lai tạng khởi lên, tất cả các pháp không khác chân như. Phàm ngu nghe vậy không hiểu nghĩa lý cho rằng tự thể Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp nhiễm của thế gian. Để trừ chấp này phải hiểu rõ nghĩa Như Lai tạng bản lai có đủ công đức thanh tịnh, còn hơn cả số cát sông Hằng, không khác chân như. Bởi các pháp nhiễm phiền não hơn cả số

cát sông Hằng chỉ là giả có, không có tự tính, bản lai chưa hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu Như Lai tạng tương ưng với pháp nhiễm mà khi chứng ngộ dứt được vọng nhiễm là không có chuyện đó.

5. Như kinh nói: Do Như Lai tạng mà có sinh tử và được Niết-bàn. Phàm ngu nghe vậy không hiểu nghĩa lý, lại cho rằng do Như Lai tạng mà sinh tử có bắt đầu. Do chấp có cái bắt đầu nên lại cho rằng Niết-bàn cuối cùng phải hết. Để trừ chấp này phải hiểu rõ là Như Lai tạng không có cái thời trước để vô minh dựa vào đó mà có sinh tử bắt đầu. Nếu nói ngoài 3 cõi, còn có chúng sinh bắt đầu phát khởi, tức là nói theo ngoại đạo, không phải Phật giáo.

Vì Như Lai tạng cũng không có cái thời sau, để dựa vào đó 4 thứ kiến chấp nhân ngã sinh. Cho nên nơi đây an lập 4 thứ đó.

Kiến chấp về pháp ngã, là do Nhị thừa độn căn. Thế Tôn chỉ họ nói nhân vô ngã. Họ liền đối với 5 uẩn sinh diệt mà hoàn toàn chấp trước rồi sợ hãi sinh tử, vọng thủ Niết-bàn. Để trừ chấp này phải hiểu rõ bản tính pháp 5 ấm không sinh, không sinh nên cũng không có diệt, không diệt nên bản lai là Niết-bàn.

Nếu hoàn toàn lìa bỏ chấp trước phân biệt là thì biết tất cả pháp nhiễm pháp tịnh đều đối đãi nhau mà thành lập. Cho nên phải biết tất cả pháp xưa nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, hoàn toàn không thể nói cái tướng của các pháp được. Vậy mà có nói ra để chỉ bày dạy dỗ thì phải biết đó là phương tiện

khéo léo của Như Lai, mượn lời nói để dắt dẫn chúng sinh khiến lìa bỏ ngôn ngữ văn tự mà ngộ nhập chân thật. Nếu theo lời nói mà chấp nghĩa thì thêm vọng tưởng phân biệt, không sinh thật trí không được Niết-bàn.

Phân biệt tướng tu hành chính đạo, nghĩa là chính nhân tất cả Như Lai đắc đạo, tất cả Bồ-tát phát tâm tu tập đều khiến hiện tiền.

Nói sơ lược, phát tâm có 3 tướng:

1. Tín thành tựu phát tâm.

2. Giải hành phát tâm.

3. Chứng phát tâm.

Tín thành tựu phát tâm, là theo địa vị nào, tu hạnh gì thì thành tựu được chính tín và có thể phát tâm. Phải biết hạng người này dựa vào bất định tụ, pháp huân tập sức thiện căn, nên tin nghiệp quả, tu hành con đường thập thiện, chán khổ sinh tử, cầu vô thượng giác, được gặp chư Phật và chư Bồ-tát, đích thân phụng sự cúng dường, tu hành các hạnh, trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu. Từ đó về sau hoặc được sức giáo hóa của chư Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc do Đại bi mà tự phát tâm, hoặc nhân chính pháp sắp diệt, vì hộ pháp mà tự phát tâm.

Những người đã phát tâm như vậy sẽ nhập chính định tụ, quyết không thoái lui, trụ trong chủng tính Phật, tương ưng thắng nhân.

Hoặc có chúng sinh từ lâu xa đến nay thiện căn ít ỏi, phiền não sâu dày che lấp tâm tính, tuy gặp chư Phật và chư Bồ-tát phụng sự cúng dường, nhưng chỉ gieo trồng hạt giống nhân thiên, hoặc hạt giống Nhị thừa, và dẫu có

cầu đạo Đại Bồ-đề nhưng căn bất định, khi tiến khi thoái.

Hoặc có người gặp Phật và chư Bồ-tát, cúng dường phụng sự, tu hành các hạnh nhưng chưa trải đủ một vạn kiếp, trong khoảng đó gặp duyên mà phát tâm.

Gặp được những duyên gì?

Là hoặc thấy hình tướng Phật mà phát tâm, hoặc nhân cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhân người Nhị thừa dạy bảo khiến phát tâm, hoặc thấy người khác mà phát tâm. Những người phát tâm như vậy đều là bất định, nếu gặp duyên xấu, có thể thoái lui rơi vào địa vị Nhị thừa.

Lại nữa, tín thành tựu phát tâm nói sơ lược có 3 thứ:

1. Phát tâm ngay thẳng, tức như lý chính niệm pháp chân như.

2. Phát tâm sâu xa, ưa gom góp tất cả các hạnh lành.

3. Phát tâm Đại bi, nguyện cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Tất cả chúng sinh, tất cả các pháp đều đồng một pháp giới không có 2 tướng. Căn cứ theo lý thì chỉ cần chính niệm chân như cần chi tu tất cả hạnh lành cứu tất cả chúng sinh?

Đáp: Không phải vậy. Như ngọc báu Ma-ni, bản tính sáng sạch mà nằm trong quặng bẩn. Giả sử có người chỉ nghĩ nhớ tính quý báu mà không dùng phương tiện, không ra sức thi công, muốn có viên ngọc trong suốt là điều không thể được.

Pháp chân như cũng vậy, thể tuy sáng sạch đầy đủ công đức mà bị vô biên khách trần làm nhiễm bẩn. Giả sử có người chỉ nghĩ nhớ mà không dùng nhiều phương tiện tu tập các hạnh, muốn cầu sự trong sạch là lý không thể được. Cho nên phải tập họp tất cả thiện hạnh cứu tất cả chúng sinh lìa khách trần ô nhiễm kia để hiển lộ pháp chân như.

Sơ lược có 4 thứ phương tiện thực hành:

1. Phương tiện tu hành căn bản. Nghĩa là quán tất cả pháp bản tính không sinh, lìa nơi vọng kiến, không trụ sinh tử. Lại nữa, quán tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất, khởi Đại bi, tu các hiện hạnh nhiếp hóa chúng sinh, không trụ Niết-bàn. Bởi chân như lìa tướng sinh tử Niết-bàn. Hạnh này lấy sự tùy thuận làm căn bản, gọi là phương tiện tu hành căn bản.

2. Phương tiện có thể ngăn chận. Nghĩa là biết xấu hổ và hối lỗi có thể ngăn chận tất cả pháp ác, không cho tăng trưởng. Bởi chân như lìa tất cả tướng lỗi lầm. Tùy thuận chân như ngăn chận các ác, gọi là phương tiện có thể ngăn chận.

3. Phương tiện làm sinh trưởng căn lành. Nghĩa là đối với Tam bảo khởi tâm kính ái, tôn trọng, cúng dường lễ bái, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chính tín tăng trưởng cho đến chí cầu vô thượng Bồ-đề, được sức hộ trì của Phật Pháp Tăng nghiệp chướng thanh tịnh, căn lành không thoái lui. Bởi chân như lìa tất cả chướng đủ tất cả công đức. Tùy thuận chân như tu hành

thiện nghiệp, gọi là phương tiện làm sinh trưởng căn lành.

4. Phương tiện Đại nguyện bình đẳng. Nghĩa là phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh đến tột cùng đời vị lai, không bỏ sót và rốt ráo khiến an trụ vô dư Niết-bàn. Bởi biết tất cả pháp bản tính không hai, đây kia bình đẳng, rốt ráo vắng lặng. Tùy thuận chân như phát 3 thệ nguyện lớn này, gọi là phương tiện Đại nguyện bình đẳng.

Bồ-tát khi phát tâm như vậy thì thấy được một phần ít pháp thân, có thể tùy theo nguyện lực, hiện 8 tướng. Đó là từ cung trời Đâu-suất xuống, vào thai, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành Phật, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn. Nhưng chưa được gọi là pháp thân, bởi các nghiệp hữu lậu, từ vô lượng đời quá khứ đến nay, chưa dứt hẳn, hoặc do ác nghiệp thụ một ít khổ, hoặc do nguyện chứ không phải bị ràng buộc lâu.

Như trong kinh nói Bồ-tát tín thành tựu phát tâm có khi thoái lui sa vào nẻo ác, đó là chỉ vì các vị sơ học tâm nhiều giải đãi không nhập địa vị chính định tụ nên nói vậy để làm tăng tiến dũng mãnh chứ chẳng phải thật nói.

Lại Bồ-tát đó, một khi đã phát tâm rồi, tự lợi lợi tha tu các khổ hạnh tâm không khiếp nhược, còn không sợ sa vào Nhị thừa huống chi là đường ác. Dầu nghe phải tu hành khổ hạnh khó làm trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì mới thành Phật cũng không khiếp sợ, huống chi có khởi tâm Nhị thừa và đọa nẻo ác. Bởi đã

quyết định tin tất cả pháp bản lai tự tính Niết-bàn.

Giải hành phát tâm là phải biết chuyển thắng. Bởi Bồ-tát này từ khi bắt đầu được chính tín đến nay, khi kiếp A-tăng-kì thứ nhất sắp đầy đủ, thì đối với pháp chân như hiểu được sâu sắc, tu tập tất cả hạnh đều không chấp trước.

Bồ-tát này biết pháp tính là tướng không xan tham, tức thanh tịnh thí độ, nên tùy thuận tu hành Đàn-na Ba-la-mật. Biết pháp tính là tướng lìa cảnh 5 dục không phá giới, là thanh tịnh giới độ, nên tùy thuận tu hành Thi Ba-la-mật. Biết pháp tính là tướng không khổ não, lìa các giận hờn, tức thanh tịnh nhẫn độ, nên tùy thuận tu hành Sằng-đề Ba-la-mật. Biết pháp tính lìa tướng thân tâm, không có giải đãi là thanh tịnh tiến độ, nên tùy thuận tu hành Tì-lê-da Ba-la-mật. Biết pháp tính không động, không loạn là thanh tịnh thiền độ, nên tùy thuận tu hành Thiền-na Ba-la-mật. Biết pháp tính lìa các si ám là thanh tịnh tuệ độ, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Chứng phát tâm là các Bồ-tát, từ tịnh tâm địa cho đến cứu kính địa, chứng cảnh giới gì?

Đó là chân như. Do dựa vào chuyển thức mà gọi là cảnh giới, chứ trong thật chứng không có tướng cảnh giới. Bồ-tát này dùng trí vô phân biệt chứng chân như pháp thân lìa ngôn thuyết, nên trong khoảng một niệm, có thể đến khắp 10 phương vô lượng thế giới cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ để làm lợi ích chúng sinh, mà không cầu tiếng khen hay đẹp. Hoặc vì các chúng sinh khiếp nhược

mà thị hiện Đại tinh tiến vượt vô lượng kiếp chóng thành chính giác. Hoặc vì các chúng sinh biếng nhác trễ nãi nên nói ta trải qua vô lượng kiếp A-tăng-kì tu hành khổ hạnh mới thành Phật.

Thị hiện vô số phương tiện như vậy đều vì lợi ích tất cả chúng sinh, nhưng thật sự thì các Bồ-tát, chủng tính và căn đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chứng cũng bình đẳng, không có pháp vượt bậc, bởi vì tất cả Bồ-tát đều phải trải qua 3 kiếp A-tăng-kì mới thành chính giác. Chỉ vì tùy theo chúng sinh trong thế giới không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn cơ dục vọng khác nhau nên Bồ-tát thị hiện tu hành cũng khác nhau.

Trong chứng phát tâm của các Bồ-tát này có 3 thứ tâm:

1. Chân tâm, vì không phân biệt.

2. Phương tiện tâm, vì tự nhiên làm việc lợi tha.

3. Nghiệp thức tâm, vì khởi diệt vi tế.

Lại nữa, Bồ-tát này 2 thứ phúc đức trí tuệ trang nghiêm viên mãn, ở cõi trời Sắc cứu cánh, được thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian. Do một niệm tương ưng với tuệ thì gốc vô minh liền hết, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, tự nhiên có nghiệp không thể nghĩ bàn, hóa độ khắp chúng sinh trong 10 phương vô lượng thế giới.

Hỏi : Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành sai khác cũng vô biên. Những cảnh giới như vậy thật không giới hạn, khó biết khó hiểu, nếu đoạn vô minh,

không còn tâm tưởng, thì làm sao rõ được tất cả mọi thứ mà thành Nhất thiết chủng trí ?

Đáp : Tất cả cảnh giới vọng, tính của nó bản lai là lý chỉ có một tâm. Tất cả chúng sinh chấp trước cảnh giới vọng, không thể biết được tính Đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp.

Chư Phật Như Lai không chấp trước thì có thể hiện thấy thật tính các pháp mà có Đại trí soi tỏ tất cả nhiễm tịnh sai biệt bằng vô lượng vô biên phương tiện khéo léo, tùy theo đó làm lợi lạc chúng sinh. Cho nên tâm vọng niệm mọi thứ diệt rồi, tức thành Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có vô biên phương tiện có thể tự nhiên hiện ra được trong 10 phương làm lợi ích chúng sinh, thì tại sao chúng sinh không thường thấy Phật, hoặc thấy thần thông biến hóa của Phật, hoặc nghe Phật thuyết pháp?

Đáp: Như Lai thật có các phương tiện như vậy nhưng chúng sinh phải tâm thanh tịnh mới hiện thân. Như gương soi nếu bẩn thì hình sắc không hiện, trừ bẩn thì hiện. Tâm chúng sinh cũng vậy, chưa lìa nhiễm bẩn thì pháp thân không hiện, lìa nhiễm bẩn thì hiện.

Làm sao tu tập tín phần?

Đây là nói theo chúng sinh chưa nhập chính định tụ.

Những gì là tín tâm và làm sao tu tập?

Tín tâm có 4 thứ:

1. Tin căn bản, nghĩa là thích nghĩ nhớ pháp chân như.

2. Tin Phật đầy đủ vô biên công đức, thường thích đảnh lễ cung kính cúng dường, để

nghe chính pháp, như pháp tu hành, hồi hướng Nhất thiết trí.

3. Tin Pháp có lợi ích lớn, thường thích tu hành các pháp Ba-la-mật.

4. Tin Tăng chân chính tu hành thường cúng dường các chúng Bồ-tát chính tu các hạnh tự lợi lợi tha.

Có 5 môn tu hành có thể thành tựu tín tâm này. Đó là thí môn, giới môn, nhẫn môn, tinh tiến môn, và chỉ quán môn.

Tu thí môn như thế nào?

Là nếu thấy chúng sinh đến cầu xin, thì đem tài vật của mình tùy sức bố thí bỏ tính xan tham của mình và làm cho người kia vui vẻ. Nếu thấy chúng sinh bị ách nạn bức bách thì dùng phương tiện cứu giúp khiến không còn sợ hãi. Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, thì tùy khả năng hiểu biết của mình, tùy nghi nói cho họ.

Khi tu hành 3 thứ bố thí như vậy phải không vì cầu danh lợi, cũng không tham trước quả báo thế gian, chỉ nghĩ đến mình và người được lợi ích an lạc, hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tu giới môn như thế nào?

Là Bồ-tát tại gia phải không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói đâm thọc, không lời ác độc, không nói dối, không nói lời thêu dệt, xa lìa tham lam, ganh ghét, lừa dối, dua nịnh, giận dữ, tà kiến.

Nếu là người xuất gia thì còn vì để bẻ gãy phiền não mà phải rời xa nơi ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh Đầu-đà, thiểu

dục tri túc. Dù mắc tội nhỏ, cũng sinh tâm e sợ, xấu hổ hối cải. Giữ gìn giới cấm Như Lai đã chế, không để cho người thấy sinh cơ hiềm, làm cho chúng sinh bỏ ác tu thiện.

Tu nhẫn môn như thế nào?

Là thấy xấu không ghét, gặp khổ không động, thường ưa quán sát cú nghĩa rất sâu.

Tu môn tinh tiến như thế nào?

Là tu hành các việc thiện, tâm không lười biếng thoái lui. Phải nghĩ từ quá vô số kiếp đến nay, vì cầu cảnh giới tham dục thế gian mà luống chịu tất cả nỗi khổ lớn nơi thân tâm rốt cuộc chẳng được chút gì. Cho nên để xa lìa khổ này trong tương lai phải tinh tiến không sinh giải đãi, Đại bi lợi ích tất cả chúng sinh.

Các sơ học Bồ-tát tuy tín tâm tu hành nhưng do từ đời trước nghiệp chướng, tội ác nặng nề nên hoặc bị tà ma quấy phá, hoặc vì việc đời ràng buộc, hoặc bệnh duyên bức bách. Những hoạn nạn như vậy không phải chỉ có một, khiến người tu hành phế bỏ việc tu thiện. Cho nên phải dũng mãnh tinh tiến, ngày đêm 6 buổi lễ bái chư Phật, tán thán cúng dường, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng vô thượng Bồ-đề, phát Đại thệ nguyện thường xuyên không nghỉ, khiến ác chướng tiêu diệt thiện căn tăng trưởng.

Tu môn chỉ quán như thế nào?

Nghĩa của chỉ, là diệt hết tất cả cảnh giới hý luận. Thấy rõ tướng sinh diệt của nhân quả là nghĩa của quán.

Trước tiên tu tập riêng rẽ tăng trưởng dần dần. Cho đến khi thành tựu thì tự nhiên thực hành song song.

Nếu tu pháp chỉ thì ở nơi tĩnh lặng, ngồi ngay ngắn, giữ chính ý, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào địa, thủy, hỏa, phong, cho đến không dựa vào sự thấy nghe hay biết, trừ hết tất cả các tưởng niệm phân biệt đồng thời cũng loại bỏ ý tưởng đoạn trừ. Vì tất cả các pháp xưa nay không có tướng, không sinh không diệt. Tâm trước dựa vào cảnh, tiếp đến rời bỏ cảnh, niệm sau dựa vào tâm rồi lại rời bỏ tâm. Đem cái tâm đuổi theo ngoại cảnh trụ giữ vào nội tâm. Sau lại khởi tâm không chấp thủ tâm tướng, bởi lìa chân như là không thể được.

Đi đứng nằm ngồi trong tất cả thời không ngớt tu hành như vậy. Dần dần được nhập vào chân như Tam-muội, cuối cùng đè bẹp được tất cả phiền não, tín tâm tăng trưởng, chóng thành bất thoái.

Nếu ôm lòng nghi hoặc, phỉ báng không tín, nghiệp chướng trói buộc, ngã mạn, lười biếng, những người như vậy không thể nhập chân như Tam-muội được.

Lại nữa, do Tam-muội này chứng pháp giới tướng, biết pháp thân tất cả Như Lai với thân tất cả chúng sinh đều là một tướng bình đẳng không hai. Cho nên gọi đó là Nhất tướng Tam-muội.

Nếu tu tập Tam-muội này có thể sinh vô lượng Tam-muội. Bởi chân như là nơi căn bản của tất cả Tam-muội.

Hoặc có chúng sinh ít có căn lành, bị các tà ma ngoại đạo, quỉ thần, mê hoặc làm rối loạn. Hoặc hiện hình tướng dữ ác để khủng bố tâm người. Hoặc hiện sắc đẹp mỹ miều để mê hoặc ý người. Hoặc hiện hình tượng chư thiên, hình tượng Bồ-tát hoặc cả hình Phật tướng tốt trang nghiêm. Hoặc nói tổng trì, hoặc nói các độ. Hoặc giảng nói các môn giải thoát, không oán không thân, không nhân không quả, tất cả các pháp rốt ráo rỗng không vắng lặng là bản tính Niết-bàn. Hoặc làm cho người ta biết những việc quá khứ vị lai, được tha tâm thông, được biện tài diễn thuyết lưu loát khiến tham trước danh dự lợi dưỡng. Hoặc làm cho người ta khi giận khi vui, hoặc đa bi đa ái, hoặc ngủ nhiều, hoặc bệnh tật, hoặc không siêng năng, hoặc bỗng dưng khởi tinh tiến, rồi sau lại phế bỏ, hoặc sinh nhiều nghi ngờ không tin thụ. Hoặc làm cho bỏ pháp tu thắng hạnh mà tu các tạp nghiệp, ưa thích thế sự, đắm đuối tình đời. Hoặc khiến chứng đắc thiền định ngoại đạo, 1 ngày, 2 ngày cho đến 7 ngày trụ trong thiền định được hảo ẩm thực thân tâm thích khoái không biết đói khát. Hoặc lại khuyên thụ nữ sắc, hoặc khiến ăn uống khi ít khi nhiều, hoặc làm cho hình dung hoặc tốt hoặc xấu.

Nếu bị các phiền não quấy rối sẽ thoái mất thiện căn từ trước, cho nên phải quán sát kỹ càng. Phải nghĩ như vầy: Những thứ này đều do thiện căn ta mỏng manh nghiệp chướng sâu nặng nên bị ma quỷ mê hoặc. Biết như vậy rồi nghĩ rằng kia tất cả đều chỉ là tâm. Tư duy như

vậy sát-na liền diệt, xa lìa các tướng, nhập chân Tam-muội.

Tâm tướng đã lìa, chân tướng cũng hết. Từ định khởi, các kiến phiền não đều không hiện hành vì đã bị sức Tam-muội phá hủy, thiện phẩm thù thắng tùy thuận tiếp nối, tất cả chướng nạn đều lìa xa, khởi Đại tinh tiến hằng không tuyệt dứt.

Nếu không tu tập pháp Tam-muội này sẽ không vào được chủng tính Như Lai, bởi các Tam-muội khác đều có tướng chung với ngoại đạo, không gặp được Phật Bồ-tát.

Cho nên Bồ-tát đối với Tam-muội này phải siêng tu tập cho thành tựu rốt ráo.

Tu tập Tam-muội này, hiện thân sẽ được 10 thứ lợi ích:

1. Thường được chư Phật Bồ-tát 10 phương hộ niệm.

2. Không bị các tà ma ác quỉ quấy rối.

3. Không bị tất cả tà đạo mê hoặc.

4. Khiến nghiệp chướng tội nặng bởi phỉ báng chính pháp, dần dần giảm bớt.

5. Diệt tất cả nghi hoặc và các ác giác quán.

6. Tăng trưởng lòng tin đối với cảnh giới Như Lai.

7. Xa lìa mọi lo buồn khổ não, ở trong sinh tử, dũng mãnh không khiếp sợ.

8. Xa lìa kiêu mạn, tâm nhu hòa nhẫn nhục, thường được tất cả thế gian kính nể.

9. Dẫu không ở trong định nhưng trong tất cả thời, tất cả cảnh giới, phiền não giảm nhẹ không hiện khởi.

10. Nếu ở trong định thì không bị tất cả các thứ âm thanh bên ngoài làm kinh động.

Lại nữa, nếu chỉ tu pháp chỉ, thì tâm chìm lặng, hoặc sinh lười biếng, không thích các điều thiện, xa lìa Đại bi, cho nên cần phải tu quán.

Tu như thế nào?

Nghĩa là phải quán tất cả các pháp thế gian sinh diệt không ngừng. Vì vô thường nên khổ, khổ nên không có ngã. Phải quán pháp quá khứ như chiêm bao, pháp hiện tại như điện chớp, pháp vị lai như mây bỗng nhiên nổi lên. Phải quán thân thể đều bất tịnh, có nhiều thứ trùng nhơ hòa lẫn phiền não.

Quán các phàm ngu thấy các pháp, trong cái không có gì vọng chấp là có. Quán sát tất cả từ pháp duyên sinh, đều như huyễn rốt ráo không thật. Quán Đệ nhất nghĩa đế chẳng phải tâm hành không thể nói ra không thể ví dụ. Quán tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều do sức vô minh huân tập, làm cho thân tâm phải chịu vô lượng khổ lớn. Hiện tại vị lai cái khổ cũng không biết đến chừng nào. Chúng sinh ở trong đó mà không biết, rất đáng thương thay.

Quán như vậy rồi sinh trí quyết định, khởi Đại bi rộng lớn, dũng mãnh lập thệ nguyện lớn, nguyện cho tâm mình, do lìa các điên đảo, đoạn dứt các phân biệt, thân cận chư Phật Bồ-tát, đảnh lễ cúng dường, cung kính tán thán nghe pháp tu hành cho đến tột cùng đời vị lai không dừng nghỉ, dùng vô lượng phương tiện cứu vớt tất cả chúng sinh trong biển khổ khiến trụ nơi cái vui Đệ nhất nghĩa của Niết-bàn.

Phát nguyện như vậy rồi, trong tất cả mọi thời, tùy khả năng mình mà tu hạnh tự lợi lợi tha. Đi đứng nằm ngồi thường xuyên quan sát cái gì nên làm không nên làm. Đó gọi là tu quán.

Lại nữa, nếu chỉ tu quán thì tâm không dừng lại, sinh nhiều nghi hoặc không tùy thuận Đệ nhất nghĩa đế, không phát sinh trí vô phân biệt. Cho nên chỉ quán phải song tu. Nghĩa là mặc dầu nghĩ nhớ tất cả pháp đều không có tự tính, không sinh không diệt bản lai vắng lặng, tự tính Niết-bàn, nhưng cũng phải thấy nhân duyên hòa hợp, nghiệp báo thiện ác không mất không hoại. Tuy nghĩ nhớ nhân duyên nghiệp báo thiện ác mà cũng thấy tất cả pháp không sinh, không tự tính cho đến Niết-bàn.

Tu hành pháp chỉ thì đối trị sự đắm trước sinh tử của phàm phu, cũng đối trị sự chấp đắm sinh tử mà sinh sợ hãi của Nhị thừa.

Tu hành pháp quán thì đối trị sự không tu thiện căn của phàm phu, cũng đối trị cái lỗi tâm hẹp hòi không khởi Đại bi của Nhị thừa.

Cho nên 2 pháp chỉ quán giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu không đủ cả chỉ quán thì không được vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, sơ học Bồ-tát ở nơi thế giới Ta-bà này hoặc gặp cảnh khổ nóng lạnh gió mưa hay bất chợt nạn đói, hoặc gặp chúng sinh bất thiện đáng sợ, 3 độc trói buộc, tà kiến điên đảo mà bỏ con đường thiện làm theo pháp ác, Bồ-tát trong đó tâm sinh khiếp nhược, sợ không gặp được chư Phật Bồ-tát, sợ không thể thành tựu tín tâm thanh tịnh sinh nghi muốn thoái lui thì phải

nghĩ như vầy: Chư Phật Bồ-tát 10 phương đều đắc Đại thần thông không có chướng ngại, có thể dùng các thứ phương tiện khéo léo cứu vớt tất cả chúng sinh hiểm nạn. Nghĩ như vậy rồi, phát Đại thệ nguyện, nhất tâm chuyên niệm Phật và Bồ-tát. Do sinh tâm quyết định như vậy nên mạng chung quyết được vãng sinh trong các cõi Phật, gặp Phật Bồ-tát tín tâm thành tựu hằng lìa nẻo ác.

Như kinh nói: Nếu thiện nam thiện nữ chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem thiện căn này hồi hướng nguyện sinh thì quyết định được vãng sinh và nhờ thường thấy Phật nên tín tâm tăng trưởng vĩnh viễn không thoái chuyển. Ở đó nghe pháp, quán pháp thân Phật, lần lượt tu hành được nhập địa vị chính giác.

Phần lợi ích như thế nào?.

Như vậy pháp Đại thừa là kho tàng sâu kín của chư Phật, tôi đã lược nói xong. Nếu có chúng sinh muốn sinh chính tín và không chướng ngại đối với cảnh giới rất sâu của Như Lai để vào con đường Đại thừa, thì nên tiếp nhận Luận này, suy nghĩ tu tập. Phải biết người này quyết định chóng thành Nhất thiết chủng trí.

Nếu ai nghe pháp này không sinh kinh sợ, thì phải biết người đó quyết định sẽ nối dòng giống Phật, chóng được thụ ký.

Giả sử có người giáo hóa chúng sinh đầy khắp 3 ngàn Đại thiên thế giới, khiến tu hành Thập thiện, cũng không bằng người trong giây

lát, chân chính suy nghĩ pháp này thì công đức hơn người trước vô lượng vô biên.

Nếu theo đúng tu hành trong một ngày một đêm, công đức cũng vô lượng vô biên, không thể nói xiết. Dầu cho tất cả chư Phật 10 phương, mỗi mỗi đều khen ngợi công đức ấy trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì cũng không hết được. Vì công đức của chân như là không bờ bến, nên công đức tu hành cũng không bờ bến.

Nếu ai phỉ báng pháp này thì bị vô lượng tội báo phải chịu khổ não lớn trong kiếp A-tăng-kì.

Cho nên đối với pháp này phải quyết định tin, chớ nên phỉ báng, đã hại mình còn hại người, làm tuyệt dứt giống Tam bảo. Tất cả chư Phật đều do pháp này tu hành thành vô thượng trí. Tất cả Bồ-tát đều do tu hành pháp này mà chứng đắc Như Lai pháp thân.

Quá khứ các Bồ-tát do pháp này mà thành tựu Đại thừa tịnh tín. Các Bồ-tát hiện tại nay thành, các Bồ-tát vị lai sẽ thành. Cho nên muốn thành tựu hạnh thù thắng tự lợi lợi tha cần phải siêng năng tu học luận này.

Tôi nay đã giải thích
Nghĩa Đại thừa sâu rộng,
Công đức thí quần sinh,
Khiến thấy chân như pháp./.

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

(*Quyển Hạ hết*)